

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19/8/2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thu H trình bày: chị và anh N kết hôn với nhau vào ngày 29/01/2007, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga A cấp đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không chịu tu chí làm ăn, suốt ngày rượu chè, về nhà chửi bới, hành hạ, đánh đập vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nên ngày 23/5/2018, chị đã nộp đơn xin ly hôn anh N. Tại Tòa án, anh N xin cơ hội để sửa chữa sai lầm, thay đổi bản thân. Chị đã suy nghĩ lại nên rút đơn để vợ chồng trở về đoàn tụ. Nhưng thực tế anh N vẫn không thay đổi, ngày càng quá đà rượu chè, hành hạ, chửi bới, đánh đập vợ con. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì, chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh N theo quy định. Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/3/2008 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 03/4/2017. Hiện tại 2 cháu đang ở cùng mẹ. Sau ly hôn, chị đề nghị nuôi 2 cháu, yêu cầu anh N cấp dưỡng

nuôi con chung, mức cấp dưỡng chi đề nghị giải quyết theo quy định. Về tài sản chi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Về ngày tháng năm kết hôn, cơ sở của việc kết hôn, anh thống nhất như ý kiến chị H. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: trong cuộc sống anh bị áp lực công việc nên có uống rượu và đánh vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân 01 năm. Trong thời gian sống ly thân, chị H về sinh sống cùng bố mẹ đẻ, anh thì sống nhờ nhà người quen. Anh nhiều lần liên lạc với chị Huyền để vợ chồng, con cái được đoàn tụ nhưng chị Huyền không đồng ý. Tuy vợ chồng sống ly thân nhưng anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H đề nghị giải quyết ly hôn, anh đề nghị được đoàn tụ; Về con: vợ chồng có 2 con chung như chị H đã trình bày. Thực tế, 2 cháu đang ở cùng chị H. Nếu ly hôn, anh đề nghị nuôi cháu Nguyễn Phương T, giao chị H nuôi cháu Nguyễn Khánh N. Về cấp dưỡng nuôi con không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: anh đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận, nên anh không có yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự thống nhất: về tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết; về hôn nhân và con chung: các bên không thống nhất; vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh N; về con chị đề nghị được nuôi 2 cháu với lý do các cháu đều là con gái, anh N đã có hành vi đánh đập, gây thương tích cho cháu N, đã bị Công an xã Nga A xử phạt hành chính đối với anh. Mặt khác, nguyện vọng cháu T xin ở cùng mẹ nên chị đề nghị được nuôi 2 cháu, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/cháu/tháng; 02 cháu là 2.000.000đ/tháng; về tài sản chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh N không đồng ý ly hôn và không yêu cầu về tài sản; về con: nếu ly hôn anh N đề nghị nuôi cháu T, giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng là 2.000.000đ.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thu H cho chị H được ly hôn anh N; về con giao 2 cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/3/2008 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 03/4/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: chị H, anh N phải chịu án phí DSST theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

\* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thu H và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo các đương sự trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong cuộc sống vợ chồng do anh Nam rượu chè, về đánh đập vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh N đề nghị được đoàn tụ. Tuy nhiên, chị H và anh N đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể duy trì được. Xét cuộc sống chung của chị H và anh N đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể duy trì nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H và anh N ly hôn theo quy định.

[2] Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/3/2008 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 03/4/2017. Hiện tại 2 cháu đang ở cùng mẹ. Sau ly hôn chị H đề nghị trực tiếp nuôi 2 cháu, yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/cháu/tháng; 02 cháu là 2.000.000đ/tháng.

Đối với anh N, nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu T, giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng; anh sẽ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng là 2.000.000đ.

Xét đề nghị xin được nuôi con của các đương sự là chính đáng, các bên đều là lao động tự do, có thu nhập từ công việc của mình. Tuy nhiên, các cháu T, N hiện tại đều đang ở cùng chị H. Qua xác minh thực tế các cháu T, N đang ở ổn định cùng chị H và ông bà ngoại tại thôn 6, xã Nga A. Để các cháu ổn định cuộc sống và cần sự chăm sóc các cháu nên giao 2 cháu T, N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000đ/cháu/tháng; 2 cháu là 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 12/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Sau ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định. Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm

a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thu H, cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con: Giao 2 cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/3/2008 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 03/4/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000đ/cháu/ tháng; 2 cháu là 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 12/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015*

3. Về án phí: Chị Phạm Thu H phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0010850 ngày 19/8/2020 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự*

4. Quyền kháng cáo: Chị H, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Lê Thị Huệ***

